



Số :1807/DCVFM.2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
DCVFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã ccq/Code: FUEVFNVD
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 18/07/2023
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock		
1	ACB	5,500	4.81%
2	CTG	1,800	2.13%
3	DHC	100	0.17%
4	FPT	4,900	15.40%
5	GMD	2,500	5.66%
6	KDH	1,600	2.07%
7	MBB	9,500	7.03%
8	MSB	2,800	1.43%
9	MWG	8,500	16.45%
10	NLG	900	1.31%
11	OCB	1,900	1.38%
12	PNJ	3,700	11.82%
13	REE	2,600	6.75%
14	TCB	7,200	9.14%
15	TPB	4,300	3.12%
16	VIB	4,200	3.41%
17	VPB	7,800	6.34%
II.	Tiền/ Cash (VND)	40,144,007	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 2,473,905,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 2,514,049,007

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 40,144,007

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

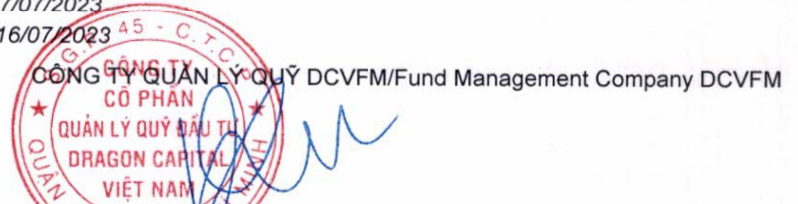
Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
ACB	24,200	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
FPT	86,900	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MBB	20,460	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MSB	14,080	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MWG	53,515	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	88,330	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	71,830	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
TCB	35,090	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
VIB	22,440	KIS	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*)	Kỳ trước/Last period (**)	Chênh lệch/ Changes
	18/07/2023	17/07/2023	
1.Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	10	0	10
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	4	-4
3.Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/ Issued Shares	796,600,000	795,600,000	1,000,000
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	25,100	25,090	10
5.Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	20,011,830,102,336	19,993,073,719,504	18,756,382,832
của một lô ETF/per Creation Unit	2,514,049,007	2,506,968,491	7,080,516
của một chứng chỉ quỹ/per Share	25,140.49	25,069.68	70.81
6.Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,753.38	1,749.27	4.11

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 17/07/2023

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 16/07/2023



Nguyễn Minh Đăng Khánh

Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 19/07/2023